

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 21- 01- 2022.

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Xuyên.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Chương và bà Đoàn Thị Huệ.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1994.

Nơi ĐKNKTT: tổ dân phố MN, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: thôn HS, xã TS, huyện KB, tỉnh Hà Nam.

2. Bị đơn: Anh Bùi Sơn T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Số nhà 11, ngõ 88, đường NPL, tổ dân phố MN, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa chị L có mặt, anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai và các tài liệu chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử chị Nguyễn Thị L có quan điểm:

Về hôn nhân: Chị và anh Bùi Sơn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/2019 tại Ủy ban nhân dân phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam sau thời gian tìm hiểu nhau được gần 01 năm. Việc kết hôn cũng được gia đình

hai bên cho tổ chức cưới hỏi theo phong tục tại địa phương. Sau ngày cưới, vợ chồng sống chung tại nhà bố mẹ anh T ở Mễ Nội, phường Liêm Chính. Quá trình chung sống được khoảng hơn 01 năm thì hai bên xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do bản thân anh T ham chơi dẫn đến mắc nợ nần nên vợ chồng hay xảy ra cãi vã và không còn hợp nhau về cách sống, quan điểm sống nữa. Chính vì vậy, từ tháng 5 năm 2021 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Trong thời gian ly thân, chị chuyển về ở hẳn tại nhà bố mẹ chị ở thôn Hồng Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam nên vợ chồng chấm dứt quan hệ vợ chồng và không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị L xác định tình cảm dành cho anh T không còn và chị thấy những mâu thuẫn của hai bên không thể khắc phục được nên chị đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Sơn T.

Về con chung: Chị và anh T chỉ có 01 con trai chung là cháu Bùi Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 14/01/2020 do chị đang nuôi dưỡng. Do cháu HĐ còn rất nhỏ nên cháu rất cần sự chăm sóc của chị. Vì vậy, khi vợ chồng chị ly hôn, chị xin nuôi cháu HĐ và chị không đề nghị anh Bùi Sơn T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng chị không có. Không đề nghị Tòa án giải quyết. Hiện chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng không có nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Bùi Sơn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng không chấp hành giấy triệu tập và các văn bản tố tụng của Tòa án. Do vậy, không có quan điểm của anh Bùi Sơn T.

* Ý kiến của ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị L (bố mẹ đẻ anh Bùi Sơn T): Sau khi đăng ký kết hôn và tổ chức cưới vợ chồng anh T, chị L sống cùng với gia đình ông bà. Quá trình sống, ông bà thấy hai bên không có mâu thuẫn gì to lớn cả mà chỉ do anh T có mắc nợ nần nhưng ông bà đều có trách nhiệm trả cho anh T chứ chị L không có trách nhiệm gì. Bản thân ông bà không mong muốn vợ chồng các con ly hôn. Tuy nhiên, việc hôn nhân là việc riêng của chị L, anh T nên ông bà đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Vợ chồng chị L, anh T có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn HĐ do chị L nuôi dưỡng nhưng hàng ngày chị L vẫn gửi ông bà trông hộ và tối chị L đến đón cháu về nên ông bà đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc nuôi dưỡng cháu HĐ theo quy định của pháp luật.

* Quan điểm của đại diện Ủy ban nhân dân phường Liêm Chính:

Đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị L và anh T theo quy định pháp luật. Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn HĐ đề nghị Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của vợ chồng chị L anh T theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay:

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án.

- Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký:

+ Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Cụ thể anh Bùi Sơn T không chấp hành các văn bản tố tụng của Tòa án, vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc, tại các phiên tòa.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L.

- Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Sơn T.

- Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Bùi Nguyễn HD, sinh ngày 14/01/2020 cho đến khi cháu HD đủ 18 tuổi. Anh Bùi Sơn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị L.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Bùi Sơn T có nơi cư trú tại tổ dân phố MN, phường LC, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh

chấp ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Sơn T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Bùi Sơn T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nhưng trước đó anh T đã vắng mặt tại phiên tòa ngày 12/01/2022 không có lý do nên việc xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa được thực hiện theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Sơn T có đăng ký kết hôn vào ngày 24/01/2019 tại UBND phường Liêm Chính, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam là hoàn toàn tự nguyện nên đã thỏa mãn với điều kiện, trình tự, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chỉ có khoảng 01 năm chung sống hòa thuận và có 01 con chung, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, cách sống và vợ chồng anh chị hay xảy ra cãi nhau nên đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2021 đến nay. Quá trình giải quyết tại Tòa án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh T nhiều lần để tham gia các phiên họp hoà giải nhưng anh T đều vắng mặt và tại phiên tòa hôm nay anh T vẫn vắng mặt không có lý do, điều đó chứng tỏ anh T không mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Tại phiên hoà giải và tại phiên tòa, Tòa án và Hội đồng xét xử đã phân tích và khuyên chị L nên nghĩ lại nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn anh T. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng chị L, anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, việc giải quyết ly hôn là cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Bùi Nguyễn HĐ, sinh ngày 14/01/2020 (con trai), hiện nay cháu HĐ đang ở với chị L. Xét nguyện vọng của chị L muốn được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy, thực tế đến thời điểm hiện nay cháu Bùi Nguyễn HĐ mới được 24 tháng tuổi (chưa đủ 36 tháng tuổi). Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích của cháu HĐ, cần giao cho chị L nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Bùi Nguyễn HĐ là phù hợp thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cho đến khi cháu HĐ trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị L không yêu cầu cấp dưỡng nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

Về con nuôi, con riêng: Chị L xác định vợ chồng không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn: Chị L phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị L, anh T thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[1] Xử lý hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Sơn T.

[2] Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bùi Nguyễn HĐ, sinh ngày 14/01/2020 (con trai), cho đến khi cháu Bùi Nguyễn HĐ trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh Bùi Sơn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Nguyễn Thị L.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị L phải nộp là 300.000đ. Chị L được đối trừ với 300.000đ, mà chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2021/0000278 ngày 23/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị L đã nộp đủ án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường Liêm Chính, TP Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Xuyên